

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2020/HS-ST
Ngày: 28/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quảng Thái; Ông Phạm Lành;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T sinh ngày 19/02/2002, tại tỉnh Lạng Sơn; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Hồng Phong 3, xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: Lớp 05/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ (Đảng, Đoàn thể, Chính quyền) trước khi phạm tội: Không;

Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Tại Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 12/5/2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính bằng hình thức *cảnh cáo* về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Quyết định số 02/QĐ-XPVPHC ngày 19/6/2017 của UBND xã Vũ Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt hành chính bằng hình thức *cảnh cáo* về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Quyết định số 71/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2017 của UBND xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng (từ 17/7/2017- 17/10/2017);

- Tại Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2017 của UBND xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt hành chính bằng hình thức *cảnh cáo* về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”;

- Tại bản án hình sự số 77/2019/HSST ngày 19/03/2019 của TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2019;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **14/3/2020**, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

***Bị hại:- Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1980;

-Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1972 (chồng chị M);

Cùng ĐKKH và ở: Tổ 8, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên;

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là đối tượng lười lao động, nghiện game thường xuyên lêu lổng, sống lang thang với mục đích trộm cắp tài sản của người khác đem bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 22 giờ ngày 19/02/2020 T đi bộ một mình đến khu vực tổ 8, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, sau khi quan sát thấy một ngôi nhà sát mặt đường đã tắt điện, xung quanh không có người qua lại (nhà của chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Quang T- phía sau Bến xe khách Thái Nguyên mới), T đã nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong ngôi nhà này để trộm cắp tài sản. Để thực hiện mục đích T đã trèo qua hàng rào vào trong sân và dùng tay kéo mở cánh cửa ngách bằng gỗ (cánh cửa này chủ nhà không khóa) rồi đi vào trong phòng khách tại tầng 1, thấy cạnh chiếc tivi có để 01 chiếc túi xách, T cầm và mở ra xem thì thấy trong túi có một số giấy tờ và nhiều tờ tiền với các mệnh giá khác nhau, T đã lấy toàn bộ số tiền và cất giấu vào túi quần phía sau đang mặc, còn chiếc túi xách và giấy tờ T vứt xuống nền nhà, sau đó T theo lối cũ trèo tường thoát ra ngoài và đi đến quán internet mang tên *Kiên Chi 2*, tại tổ 12, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên để chơi game. Tại đây, T kiểm đếm số tiền trộm cắp được là **3.200.000đ** (ba triệu, hai trăm ngàn đồng- gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng). Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết;

Sáng ngày 20/02/2020 sau khi ngủ dậy gia đình chị M phát hiện mất tài sản như nêu trên đã trình báo Cơ quan công an.

Ngày 09/3/2020 T lang thang tại khu vực tổ Ga, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công và trộm cắp của chị Lê Ngọc Lan 01 chiếc chiếu nhựa; 01 chiếc áo dạ nữ và bị phát hiện vào ngày hôm sau (ngày 10/3/2020). Quá trình làm việc tại Công an thành phố Sông Công, T đã khai nhận toàn bộ sự việc trộm cắp số tiền của gia đình chị M như nêu trên.

Cơ quan điều tra có tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đỏ đen, số Imei 980018007772771 (đã qua sử dụng), hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 243/CT-VKSTPTN ngày 08 tháng 05 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa đã giữ nguyên Quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Xác định bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ta*), không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS;

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ **18** đến **24** tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận mà hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, Người T hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS), người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, Người T hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX căn cứ Điều 292 của BLTTHS T hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa T hoàn toàn thừa nhận việc đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của gia đình bị hại khi đi ngủ không khóa cửa, T đã lén lút đột nhập vào bên trong nhà và chiếm đoạt của gia đình bị hại 01 khoản tiền mặt là 3.200.000 đồng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác, chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, do đó

hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bị cáo nhận thức rõ tài sản bị cáo chiếm đoạt thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo tại bản Cáo trạng nêu trên là có căn cứ. Khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...*”

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo các quy định nêu trên.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy: Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ, song thiếu tu dưỡng, rèn luyện, lười lao động, muốn hưởng thụ bằng thành quả lao động của người khác, dẫn đến bị cáo đã bất chấp coi thường pháp luật, đã nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và bị xử lý như nêu trên, nhưng bị cáo không coi đó là bài học để sửa chữa lỗi lầm, cải tà quy chính mà tiếp tục lần sâu vào con đường tội lỗi. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng xét thấy tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; Bản án hình sự số 77/2019/HSST ngày 19/03/2019 của TAND thành phố Thái Nguyên kết án bị cáo về tội phạm ít nghiêm trọng, thời điểm này bị cáo dưới 18 tuổi, theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 107 của BLHS bị cáo được coi là không có án tích. Vì vậy mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS bị cáo có thể bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...hoặc tịch thu 01 phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành án. Do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã làm rõ và xác định bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại di động Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị cáo vào việc phạm. Tại phiên tòa bị cáo vẫn xác định chiếc điện thoại di động này là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 106 của BLTTHS, HĐXX xét thấy không có căn cứ tịch thu tài sản này của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ án phí và trách nhiệm dân sự với bị hại do đó cần tạm giữ tài sản này để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 106 của BLTTHS, Điều 584 của Bộ luật dân sự, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 3.200.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại như nêu trên.

[7] Các vấn đề khác: Hành vi T trộm cắp tài sản của chị Lê Thị Lan tại tổ Ga, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, hiện Công an thành phố Sông Công đang thụ lý và giải quyết, do đó không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo các quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của BLTTHS;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các quy định:

-Khoản 1 Điều 173; Điểm s,h khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điểm b, khoản 1 Điều 107 của BLHS;

- Khoản 1, 3 Điều 329; Điều 106; Điều 136; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332 và 333 của BLTTHS;

-Điều 584 của BLDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/ 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố

1. Về tội danh: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*";

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 14/3/2020;

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo;

3. Về vật chứng: Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đỏ đen, số Imei 980018007772771- đã qua sử dụng (tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 310 ngày 12/5/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và CCTHA dân sự thành phố Thái Nguyên) là tài sản của bị cáo để, đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Quang T 01 khoản tiền là 3.200.000 đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng) bị cáo đã chiếm đoạt;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN ;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu BP HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên